

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T D  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 21- 12- 2021  
V/v: Tranh chấp hôn nhân & gia  
đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D - TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Ái

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Mạnh Cường

Ông Thò Bá Tềnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 và giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Kh Th Ph, sinh năm 1991. Có mặt

Địa chỉ: Bản T Th, xã Ch L, huyện K S, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Anh V V T. Sinh năm 1987. Vắng mặt (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Bản H T 2, xã M S, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn nộp ngày 01 tháng 10 năm 2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Kh Th Ph trình bày:

- Về tình cảm: Chị Ph và anh V V T tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2010. Nhưng đến năm 2013 thì chị Ph và anh T mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Ch L, huyện K S, tỉnh Nghệ An vào ngày 15/10/2013 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị Ph và anh T sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hòa hợp nhau, thường xuyên cãi vã, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng

sống ly thân từ đầu năm 2018, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị Ph có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

- Về con chung: Chị Ph và anh V V T có 02 con chung là cháu V Th Q, sinh ngày 18/8/2010 hiện cháu sống cùng anh T tại bản H T 2, xã M S, huyện T D, tỉnh Nghệ An và cháu V Th Kh H sinh ngày 13/8/2013 hiện cháu đang ở với chị Ph tại bản T Th, xã Ch L, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Nếu ly hôn chị Ph có nguyện vọng nuôi cháu H, còn cháu Q sống với anh T từ khi hai vợ chồng ly thân nên chị Ph có nguyện vọng cháu Quỳnh tiếp tục do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với cả hai bên.

- Về tài sản: Chị Ph và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 10 năm 2021 bị đơn anh V V T trình bày:

Về tình cảm: Anh T và chị Kh Th Ph tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2010. Nhưng đến năm 2013 thì anh T và chị Ph mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Ch L, huyện K S, tỉnh Nghệ An vào ngày 15/10/2013 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh T và chị Ph sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hòa hợp nhau, thường xuyên cãi vã, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018. Nay anh T cũng có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

Về con chung: Anh T và chị Kh Th Ph có 02 con chung là cháu V Th Q, sinh ngày 18/8/2010 hiện cháu sống cùng anh T tại bản H T 2, xã M S, huyện T D, tỉnh Nghệ An và cháu V Th Kh H sinh ngày 13/8/2013 hiện cháu đang ở cùng chị Ph tại bản T Th, xã Ch L, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Nếu ly hôn anh T có nguyện vọng nuôi cháu Q, còn cháu H do chị Ph chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Kh Th Ph. Về con chung giao cháu V Th Q cho anh V V T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành; Giao cháu V Th Kh H cho chị Kh Th Ph chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành; Về cấp dưỡng: Tạm

hoãn việc cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ph và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:**

[1] Tổ tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh V V T có hộ khẩu thường trú tại bản H T 2, xã M S, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Kh Th Ph và bị đơn Anh V V T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Ph và anh T kết hôn với nhau vào năm 2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được Ủy ban nhân dân xã Ch L, huyện K S tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 63/2013 ngày 15/10/2013 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

1. Tình trạng hôn nhân: Chị Ph và anh T trong quá trình sống chung bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân từ năm 2018, cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Ph và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Ph là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2. Con chung: Chị Ph và anh T có 02 con chung là các cháu V Th Q, sinh ngày 18/8/2010 và cháu V Th Kh H sinh ngày 13/8/2013. Hiện cháu Q sống với anh T, còn cháu H sống với chị Ph. Chị Ph và anh T đều có nguyện vọng cháu Q do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, còn cháu H do chị Ph chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Anh T và chị Ph đều không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Cháu Q có nguyện vọng ở với anh T, còn cháu H có nguyện vọng ở với chị Ph.

Xét thấy nguyện vọng của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cũng như quy định của pháp luật nên cần chấp nhận nguyện vọng của các bên là phù hợp.

3. Tài sản, nợ chung: Chị Ph và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Án phí và quyền kháng cáo: Chị Kh Th Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

*Tuyên xử:*

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Kh Th Ph được ly hôn với Anh V V T.

2. Con chung:

- Giao cháu V Th Q, sinh ngày 18/8/2010 cho anh V V T chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành.

- Giao cháu V Th Kh H sinh ngày 13/8/2013 cho chị Kh Th Ph chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Ph, anh T

- Chị Ph, anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Kh Th Ph phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã theo biên lai số 0010551 ngày 04/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 21 tháng 12 năm 2021. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.T D;
- UBND xã Ch L; K S;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.T D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Ái**

